

VỀ HAI HƯ TỪ “ĐƯỢC” VÀ “PHẢI” Ở VỊ TRÍ PHÍA SAU VỊ TỪ

Nguyễn Văn Chính

*Khoa Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài
Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội*

Trong hệ thống các hư từ có vị trí đứng sau vị từ, hai hư từ “được” và “phải” theo chúng tôi, có một vị trí khá đặc biệt, bởi lẽ, ngoài vị trí sau vị từ mà chúng ta sẽ khảo sát trong bài báo này, hai hư từ vừa nêu còn được sử dụng ở phía trước vị từ và hơn thế nữa, trong rất nhiều trường hợp chúng còn xuất hiện với tư cách là các thực từ thực thụ.

1. VỀ HƯ TỪ “ĐƯỢC” PHÍA SAU VỊ TỪ

1.1. Xét các ví dụ sau:

(1) - “Liến xáo tôm tép vậy, nhưng nhà ai có công có buổi gì cũng nhờ Nam. Hấn vừa nhiệt tình, vừa thạo việc”. Nam đe dọa bọn em út: “Làm đi bốn phương cũng để một phương lấy chồng. Ăn được chỗ nào cứ ăn, quịt được chỗ nào cứ quịt, nhưng họ hàng làng xã thì phải chừa ra.”[1]

(2) - “Cúc giao cả bó tiền cho Nam. Đó là khoản tiền cả làng chị không mấy nhà có nổi. Nam gọi một đội kèn mặt mũi toàn như đúc bằng chì. Nam cho mổ thêm cặp lợn tã, gói giò, làm mọc. Bọn trẻ em nó tằm được từng thúng tim gan bầu dục còn nóng hổi. Những lông gà lèn chặt ních vãn mổ nhau choang choác, con nào con nấy béo mướt, lại còn ba chú bê con buộc sau gốc ổi.” [1]

(3) - “Nằm chờ suốt hai ngày đêm ở một rặng tre ngoài vi thành

phố Vinh, cuối cùng chúng tôi cũng vượt được phà Bến Thủy vào lúc ba giờ sáng. Và hai tiếng sau, xe Lữ Huy Nguyên bị trúng bom bi.” [2]

1.2. Khi xuất hiện phía sau vị từ P, tức nằm trong kết cấu “P + được + O”, hư từ “được” thường được tri nhận ở hai nét nghĩa. Nói cách khác, “được” bổ sung cho phát ngôn hai nét nghĩa. Đó là: a. nét nghĩa chỉ khả năng; tức thể hiện cái năng lực của chủ thể trong việc tiến hành một sự tình nào đó; và b: nét nghĩa thể hiện sự đánh giá tích cực của người nói về cái kết quả mà sự tình mang lại là tốt, là may mắn. Nét nghĩa này đã đưa lại cho “được” cái vị trí của một hư từ nằm trong tương quan đối lập với hư từ “phải” ở cùng vị trí (chúng tôi sẽ đề cập đến yếu tố này sau).

1.2.1. Việc khẳng định sự đóng góp trên của “được” cho phát ngôn có thể được kiểm nghiệm một cách dễ dàng bằng việc áp dụng phép lược của phương pháp cải biên. Một khi không sử dụng hư từ “được” thì phát ngôn chỉ còn là các phát ngôn miêu tả đơn thuần (phát ngôn trung tính) không có sự đánh dấu về tính khả năng ở (1), và cũng không có sự đánh dấu nét nghĩa thể hiện một kết quả tích cực do sự tình đưa lại ở (2), (3). So sánh: (1) “... ăn được chỗ nào cứ ăn, quịt được chỗ nào cứ quịt, nhưng họ hàng làng xã phải chừa ra, với: ăn (...) chỗ nào cứ ăn, quịt (...) chỗ nào cứ quịt...” hay: (2) “... bọn đàn em nó tầm được từng thúng tim gan bầu dục còn nóng hổi...” với “Bọn đàn em nó tầm (...) từng thúng tim gan bầu dục còn nóng hổi”. Hẳn chúng ta không khó nhận ra mảng thông tin thiếu hụt trong phát ngôn khi không có sự hiển thị của hư từ “được”.

1.2.2. Thoạt nhìn, với các phát ngôn có kết cấu dạng “... P + được + O” như ba ví dụ đơn cử ở trên, mọi người có thể đặt ra một câu hỏi là: Tại sao cùng một kết cấu mà hư từ “được” lại có thể đóng góp được những hai nét nghĩa cho các phát ngôn, hay nói khác đi là làm thế nào mà để có thể phân biệt khi nào hư từ “được” (trong kết cấu dạng này) có nét nghĩa *khả năng*, còn khi nào nó có ý nghĩa “*chỉ kết quả tích cực của hành động*”. Theo chúng tôi, khi chuyển tải nét nghĩa khả năng, “được” không gắn chặt với P trước nó thành một khối chặt như khi nó thực hiện nét nghĩa “kết quả”. Tức là khi thực hiện chức năng của một hư từ chỉ khả năng, “được” có thể chuyển vị

trí xuống sau O để tạo dạng thức “P + O + *được*” mà nghĩa của cả phát ngôn không bị phá vỡ. So sánh:

“Ăn *được* chỗ nào cứ ăn, quịt *được* chỗ nào cứ quịt ...” có thể chuyển thành “... ăn chỗ nào *được* cứ ăn, quịt chỗ nào *được* cứ quịt...”.

nhưng “... Bọn đàn em nó tằm *được* từng thúng tim gan bầu dục còn nóng hổi” (nghĩa kết quả) → “Bọn đàn em nó tằm từng thúng tim gan bầu dục còn nóng hổi *được*.” (nét nghĩa khả năng).

Mặt khác, với nét nghĩa khả năng, các phát ngôn thường có thể thêm chen yếu tố tình thái “có thể” vào trước P mà ý nghĩa trong phát ngôn vẫn được bảo toàn. Ví dụ:

- “Ăn *được* chỗ nào cứ ăn...” = “*có thể* ăn *được* chỗ nào cứ ăn”

Ở nét nghĩa kết quả của sự tình, người ta có thể thay thế “*được*” bằng các yếu tố chỉ kết quả khác như: *ra*, *thấy*, *xong* ... mà ý nghĩa nói chung của của phát ngôn không bị phá vỡ. Cụ thể: “Bọn đàn em nó tằm *được* từng thúng tim gan bầu dục còn nóng hổi” → “Bọn đàn em nó tằm *ra* từng thúng tim gan bầu dục còn nóng hổi”; hoặc “... cuối cùng chúng tôi cũng vượt *được* phà Bến Thủy vào lúc ba giờ sáng”. → “... cuối cùng chúng tôi cũng vượt *xong* phà Bến Thủy vào lúc ba giờ sáng.”

1.3. Trong tiếng Việt có một yếu tố được sử dụng tương đương cả về mặt vị trí kết cấu, cả về mặt giá trị với hư từ được trong trường hợp này là hư từ “*nổi*”. Sự khác biệt tinh tế giữa hai hư từ này là ở chỗ “*được*” thường thể hiện khả năng của chủ thể trước một công việc khó khăn, trong khi hư từ “*nổi*” thường thể hiện năng lực của chủ thể trước một số lượng lớn công việc. So sánh-Bài toán này khó quá tôi không làm được; và - nhiều việc thế này thì tôi không làm nổi.

2. HƯ TỪ “*PHẢI*”

2.1. Ví dụ:

(1) - “Tôi bàng hoàng khi thấy chú tôi lồng lên trong một cơn động kinh khủng khiếp mà tôi chưa bao giờ *được* biết: ” Đi đi! Đi đi! Tao nguyện rửa chúng mày! Tao nguyện rửa chúng mày. Chú hét to lắm, lạc cả giọng. Rồi chú chạy, chú lồng lên như một con thú bị đâm

họng, kịp vùng thoát dây trói mà còn lướt trên những vũng bùn nhầy nhụa, những lớp đất cây khô cứng như đá... rồi vấp *phải* bờ rãnh, ngã nhào... rồi quần quai bò dậy... rồi lại chạy, vừa chạy vừa hét.”[3]

(2) - “Nhiều doanh nghiệp cũng cho rằng, bên cạnh những rủi ro về tỷ giá sau nhiều lần chuyển đổi đồng tiền, họ còn gặp *phải* những rủi ro về tỷ giá do những qui định về kỳ hạn mua ngoại tệ quá ngắn.”[4]

(3) - “Đi đâu mà vội mà vàng

Mà vấp *phải* đá mà quàng phải dây.” (Ca dao)

2.1.1. Có thể nói, các phát ngôn kiểu này nằm trong thể đối cực với hư từ “*được*” ở nét nghĩa b. (nét nghĩa đánh giá tích cực về kết quả mà hành động hướng tới). Nói khác đi, “*phải*” là một kết tử nối một sự tình (vấp, gặp) với cái đích mà sự tình hướng tới (bờ rãnh, những rủi ro về tỷ giá, đá, dây) trong một quan hệ đánh giá tiêu cực theo nhận thức chủ quan của người phát ngôn. Rõ ràng các yếu tố “*bờ rãnh*”, “*những rủi ro về tỷ giá*”, “*đá*”, “*dây*” được quan niệm là cái không may mắn, không hay cho chủ thể hành động. Và vì vậy, người nói sắp đặt hư từ “*phải*” ngay sau P để kiến tạo ra các phát ngôn theo hàm ý này. Cái “hàm ý” này sẽ không còn được thể hiện khi người nói không dùng “*phải*”. Ví dụ:

Đi đâu mà vội mà vàng

Mà vấp (...) đá, mà quàng (...) dây.

hay “... họ còn gặp (...) những rủi ro về tỷ giá do những qui định về kỳ hạn mua ngoại tệ quá ngắn.”

Rõ ràng nét nghĩa đánh giá tiêu cực theo nhận thức chủ quan của người nói sẽ không còn, thay vào đó là những phát ngôn có màu sắc đánh giá trung tính hơn.

2.1.2. Trong cảm thức của người Việt, nét nghĩa đánh giá tiêu cực, không may mắn là rất rõ rệt. Bởi khi thay thế hư từ “*phải*” trong các ví dụ đã dẫn bằng yếu tố “*trúng, đúng*” để đơn thuần biểu thị quan hệ giữa sự tình và cái đích mà sự tình hướng tới thì nét nghĩa đánh giá tiêu cực bị triệt tiêu. Ví dụ:

Đi đâu mà vội mà vàng

Mà vấp *trúng* đá mà quàng *trúng* dây.

hoặc: “họ còn gặp *đúng* những rủi ro về tỷ giá do những qui định về kỳ hạn mua ngoại tệ quá ngắn.”

2.2. Tưởng như hai hư từ “*được*” và “*phải*” trong các phát ngôn dạng “P + *được/ phải* + O” là hai hư từ khác xa nhau về mặt ý nghĩa nhưng thực ra chúng có cùng bản chất, thể hiện ở chỗ chúng nằm trong cùng một kết cấu và cả hai đều thể hiện một cơ chế đánh giá theo nhận thức chủ quan của người nói về cái sự tình mà họ đề cập tới.

3. Tóm lại, việc tìm hiểu “*được, phải*” ở vị trí tồn tại phía sau vị từ có thể cho chúng ta thấy rõ được các phẩm chất ngữ nghĩa tinh tế mà hai hư từ này chuyển tải. Rõ ràng, khi tồn tại phía sau vị từ, hai hư từ trên sẽ không còn chuyển tải các nét nghĩa mà chúng đảm nhiệm khi tồn tại phía trước vị từ hoặc tồn tại với cương vị là các thực từ thực thụ nữa. Một sự phân biệt và tri nhận chính xác các phẩm chất ngữ nghĩa của các hư từ này sẽ ít nhiều có tác dụng tích cực trong nghiên cứu ngôn ngữ và công tác dạy tiếng Việt cho mọi đối tượng.

TƯ LIỆU TRÍCH DẪN

1. *Cầu vồng*, truyện ngắn của Nguyễn Thị Phước, 10/10/1998, báo Văn nghệ số 41.
2. *Một con người tình nghĩa*, truyện ngắn của Hoàng Lại Giang, 10/10/ 1998, báo Văn nghệ, số 41.
3. *Lặng lẽ đồng bằng*, truyện ngắn của Nguyễn Kim Châu, 10/10/1998, báo Văn nghệ, số 41.
4. *Tự do hóa các giao dịch ngoại tệ*, Nam Khuê, 8/7/1999, báo Đầu tư, số 55 (458).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Ngữ pháp tiếng Việt* (tiếng-từ ghép-đoản ngữ), NXB ĐH&THCN, Hà Nội.

2. Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (1993), *Đại cương ngôn ngữ học*, t2, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3. Nguyễn Đức Dân (1984), *Ngữ nghĩa các từ hư*, Ngôn ngữ, số 2&4.

4. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt* (từ loại), NXB ĐH&THCN, Hà Nội.

5. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt* (sơ thảo ngữ pháp chức năng), quyển 1, NXB KHXH, Hà Nội.

6. Đái Xuân Ninh (1978), *Hoạt động của từ tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội.

7. Hoàng Phê (1989), *Lôgic ngôn ngữ học*, NXB KHXH.

8. Nguyễn Anh Quế (1988), *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB KHXH, Hà Nội.